

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Cường

2. Ông Ngô Xuân Dệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 873/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Đình L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị M, sinh năm 1976

Nơi ĐKKTT: Thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Hẻm 315 đường N, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Phan Đình L trình bày:

Anh và chị Lưu Thị M tự nguyện tìm hiểu nhau trong khoảng một năm thì chung sống với nhau từ năm 2002, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới. Đến ngày 09/4/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược nhau, thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc và cách nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh và chị M đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay anh L cảm thấy không còn tình cảm và không thể chung

sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị M.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị Minh có 03 con chung tên là Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Phan Thiên P, sinh ngày 04/01/2010. Ly hôn, nguyện vọng của anh là muốn được nuôi cháu Phan Uyên N và Phan Uyên N, giao cháu Phan Thiên P cho chị Lưu Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh và chị Minh đều nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Lưu Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Linh về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung. Trong quá trình chung sống với nhau, hai vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Để tiện cho việc học hành của các con và làm ăn nên chị đưa các con về thành phố P sinh sống và học tập. Do vậy, chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, anh chị không gặp gỡ hay liên lạc gì với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay anh L yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình cho các con.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung tên là Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Phan Thiên P, sinh ngày 04/01/2010. Do không đồng ý ly hôn nên chị M không có yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử cho anh Phan Đình L ly hôn với chị Lưu Thị M.

Về con chung: Giao giao các cháu Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 cho anh Phan Đình L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Phan Thiên P cho chị Lưu Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L và chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về án phí: Anh Phan Đình L là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh Phan Đình L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lưu Thị M, tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là chị Lưu Thị M có nơi cư trú tại Hẻm 315 đường N, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn chị Lưu Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Phan Đình L và chị Lưu Thị M có đăng ký kết hôn từ ngày từ ngày 09/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Phan Đình L khai thì từ năm 2013, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược nhau, thường xuyên cãi nhau về vấn đề tiền bạc và cách nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh và chị M đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện nay anh L cảm thấy không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị M.

[3] Xét anh L và chị M đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay hai người không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau và không còn tình cảm yêu thương nhau nữa, không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và để giải quyết vụ án nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Đến nay anh L khẳng định không còn tình cảm yêu thương chị M nữa nên anh vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị M.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng tại nơi cư trú. Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2018, ông Bùi Quốc Tương - thôn phó thôn I, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai đã cung cấp thông tin như sau: “Anh Phan Đình L và chị Lưu Thị M có hộ khẩu tại thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Khoảng từ năm 2007 đến nay, chị M đi đâu, làm gì không có mặt tại địa phương cũng không có báo với chính quyền địa phương, còn anh L vẫn có mặt và sinh sống tại địa phương.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thôn không nắm được và cũng không biết vì anh chị không báo với chính quyền địa phương”.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đình L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh L và chị M có 03 con chung tên là Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Phan Thiên P, sinh ngày 04/01/2010. Anh Linh có nguyện vọng là muốn được nuôi cháu Phan Uyên N và Phan Uyên N, giao cháu Phan Thiên P cho chị Lưu Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với chị M vì không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc giải quyết nuôi con chung.

Xét các cháu đều đã hơn 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với cả cha mẹ và không muốn bố mẹ ly hôn. Nay anh L đã nhất quyết ly hôn nên các cháu không thể sống chung với cả cha và mẹ được mà phải xem xét giao các cháu cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M không có yêu cầu gì về việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của anh Phan Đình L nên giao các cháu Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 cho anh Phan Đình L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giao cháu Phan Thiên P cho chị Lưu Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh L và chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Đình L là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Đình L xin ly hôn chị Lưu Thị M.

Tuyên Xử:

1. Cho anh Phan Đình L được ly hôn chị Lưu Thị M.

2. Giao các cháu Phan Uyên N, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2003, Phan Uyên N, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2005 cho anh Phan Đình L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Phan Thiên P cho chị Lưu Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L và chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Phan Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002488 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Như vậy, anh L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Đình L có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với Lưu Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã I, H. C, Gia Lai (GCNKH số 08/2004);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Rmah HThuyên